

Số: 74 /TB-UBND

Tân Thành, ngày 26 tháng 5 năm 2026

## THÔNG BÁO

### Về việc niêm yết công khai danh sách đối tượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ thôi việc được hưởng chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ về tinh giản biên chế và các văn bản quy định, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 của Chủ tịch UBND xã Tân Thành về việc Về việc phê duyệt đối tượng nghỉ thôi việc hưởng chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

UBND xã Tân Thành thông báo niêm yết công khai danh sách đối tượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ thôi việc hưởng chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau:

#### 1. Nội dung niêm yết

- Danh sách đối tượng đề nghị hưởng chính sách
- Thời gian công tác để tính trợ cấp
- Dự toán kinh phí chi trả trợ cấp của từng đối tượng

(Có Phụ lục kèm theo)

#### 2. Thời gian: Từ ngày 26/5/2026 đến hết ngày 05/6/2026

#### 3. Địa điểm niêm yết

- Trụ sở UBND xã Tân Thành
- Trang thông tin điện tử của xã: [tanthanh.thanhhoa.gov.vn](http://tanthanh.thanhhoa.gov.vn)
- Thông báo trên hệ thống truyền thanh xã

Trong thời gian niêm yết, ý kiến phản ánh, kiến nghị (nếu có) liên quan đến đối tượng, thời gian công tác hoặc chế độ, chính sách đề nghị gửi bằng văn bản về UBND xã Tân Thành (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) để tổng hợp, xem xét giải quyết theo quy định.

UBND xã Tân Thành thông báo để các tổ chức và cá nhân trên địa bàn được biết./.

#### Nơi nhận:

- Văn phòng HĐND và UBND xã;
- Trung tâm phục vụ HCC xã;
- Trung tâm cung ứng DVC xã;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXXH.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Cầm Bá Tuấn**

**PHỤ LỤC.**

**DANH SÁCH PHÊ DUYỆT ĐỐI TƯỢNG VÀ DỰ KIẾN KINH PHÍ HỖ TRỢ THEO CHÍNH SÁCH TẠI NGHỊ ĐỊNH 154/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

(Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ thôi việc theo quy định tại Điều 9 Nghị định)

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Tân Thành)

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Thời điểm nghỉ để hưởng chế độ theo ND 154	Số tuổi nghỉ thôi việc	Tuổi nghỉ hưu		Tuổi nghỉ hưu theo ND 135		Thời gian công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã				Thời gian công tác có đóng BHXH ở các vị trí việc làm khác				Phụ cấp hàng tháng hiện hưởng	Số tháng nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu	Tổng kinh phí thực hiện chính sách			Tổng cộng
							Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Tổng số tháng	Làm tròn số năm	Năm	Tháng	Tổng số tháng	Làm tròn số năm			Trợ cấp một lần	Trợ cấp một lần theo số năm công tác	Trợ cấp tìm việc làm	
1	2	3	04/01/1900	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14,0	15	16	17	18	23	24	25	26	27	28=25+26+27	
<b>Tổng cộng</b>																				<b>1.553.685.120</b>	<b>560.750.580</b>	<b>101.059.920</b>	<b>2.215.495.620</b>	
<b>Đối tượng có thời gian dưới 5 năm công tác</b>																				<b>82.742.400</b>	<b>13.689.000</b>	<b>9.126.000</b>	<b>105.557.400</b>	
1	Cầm Bá Huy	Nam	24/04/1993	Phó Chỉ huy trưởng Quân sự	31/05/2026	33	33	1	62	0	2	10	34	3,0			0	0	3.042.000		82.742.400	13.689.000	9.126.000	105.557.400
<b>Đối tượng có thời gian công tác 5 năm trở lên, tuổi đời còn từ đủ 05 năm trở lên đến tuổi nghỉ hưu</b>																				<b>1.470.942.720</b>	<b>547.061.580</b>	<b>91.933.920</b>	<b>2.109.938.220</b>	
2	Cầm Bá Đại	Nam	10/02/1992	Phó Bí thư Đoàn	31/5/2026	34	34	3	62	0	9	1	109	9,5			0	0	2.340.000		112.320.000	33.345.000	7.020.000	152.685.000
3	Lương Văn Nguyệt	Nam	06/02/1988	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	31/5/2026	38	38	3	62	0	9	9	117	10,0			0	0	2.340.000		112.320.000	35.100.000	7.020.000	154.440.000
4	Lò Văn Huy	Nam	16/03/1982	Văn phòng	31/5/2026	44	44	2	62	0	15	10	190	16,0			0	0	2.106.000		101.088.000	50.544.000	6.318.000	157.950.000
5	Nguyễn Ngọc Thắng	Nam	11/09/1983	Văn phòng	31/5/2026	42	42	8	62	0	12	7	151	13,0			0	0	2.106.000		101.088.000	41.067.000	6.318.000	148.473.000
6	Vi Thị Vân	Nữ	22/11/1989	Phó Chủ tịch Hội LHPN	31/5/2026	36	36	6	60	0	11	5	137	11,5			0	0	2.340.000		112.320.000	40.365.000	7.020.000	159.705.000
7	Lang Thanh Tiên	Nam	27/03/1986	Phó chủ tịch MTTQ	31/5/2026	40	40	2	62	0	11	9	141	12,0			0	0	2.340.000		112.320.000	42.120.000	7.020.000	161.460.000
8	Lục Đức Huân	Nam	20/06/1973	PCT Hội CCB	31/5/2026	52	52	11	62	0	23	2	278	23,5			0	0	2.340.000		112.320.000	82.485.000	7.020.000	201.825.000
9	Lò Thị Hoàn	Nữ	14/09/1991	Cán bộ BXD Đảng	31/5/2026	34	34	8	60	0	10	5	125	10,5			0	0	2.340.000		112.320.000	36.855.000	7.020.000	156.195.000
10	Hà Thanh Tuấn	Nam	23/01/1982	CB Văn hóa-XH-Thông tin-TT; Phó chủ tịch Hội Nông dân	31/5/2026	44	44	4	62	0	13	9	165	14,0			0	0	2.106.000		101.088.000	44.226.000	6.318.000	151.632.000
11	Cầm Bá Thêm	Nam	15/05/1983	PCT Hội CCB	31/5/2026	43	43	0	62	0	9	1	109	9,5			0	0	2.340.000		112.320.000	33.345.000	7.020.000	152.685.000
12	Cầm Bá Tuyên	Nam	10/10/1983	Nhân viên Thú y, Khuyến nông	31/5/2026	42	42	7	62	0	10	2	122	10,5			0	0	2.574.000		123.552.000	40.540.500	7.722.000	171.814.500
13	Lương Trọng Luân	Nam	19/05/1988	Phó CH trưởng BCHQS	31/5/2026	38	38	0	62	0	10	5	125	10,5			0	0	3.032.640		145.566.720	47.764.080	9.097.920	202.428.720
14	Hà Văn Dũng	Nam	14/12/1983	Nhân viên Thú y, Khuyến nông	31/5/2026	42	42	5	62	0	5	5	65	5,5			0	0	2.340.000		112.320.000	19.305.000	7.020.000	138.645.000